

Bản án số: 96/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 617/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V; Trụ sở: Tầng 1,2 Tòa nhà S, số A, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Điều D; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn H năm 1985 và bà Hoàng Thị H1 năm 1993; thường trú: Tập thể cầu T, xã H, huyện Đ, Thành phố H ở hiện tại: Số I đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2022, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đ trình bày:

- Ngày 26/8/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V – Với ông **Đào Văn Hbà Hoàng Thị H2** kết Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 với nội dung: **Ngân hàng V1** ông **H3** H1 vay số tiền 453.000.000 đồng; mục đích giải ngân: thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, biển số 30G-506.66, theo hợp đồng Mua bán xe số 2000/HĐMB-HPVD/2020 ngày 26/8/2020; thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 27/8/2020 đến ngày 26/8/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong vòng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh biên độ 4.1%/năm; hoàn trả khoản vay gốc: vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền trả hàng tháng là 4.720.000 đồng. Số còn lại trả vào cuối kỳ; hoàn trả lãi: vào ngày 25 hàng tháng, theo dư nợ thực tế. Ngày trả gốc và lãi đầu tiên là ngày 25/9/2020, ngày trả gốc và lãi cuối cùng là ngày 26/8/2028; trả phí: theo quy định VIB từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. **Ngân hàng V2** giải ngân cho ông **H3** H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1422698 (1).20 ngày 26/8/2020 với số tiền 453.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V – Với ông **Đào Văn Hbà Hoàng Thị H2** kết Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 với nội dung: **Ngân hàng V1** ông **H3** H1 vay số tiền 17.700.000 đồng; mục đích giải ngân: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 05/11/2021 đến ngày 04/11/2023; lãi suất tại thời điểm giải ngân 11.7%. Lãi suất này sẽ được **V** động điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.3%/năm; hoàn trả khoản tín dụng gốc 03 tháng/lần vào ngày 15 các tháng 2, 5, 8 và 11 với số tiền trả mỗi kỳ 2.212.500 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/02/2022; ngày trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 15 các tháng 2,5,8,11. Ngày trả lãi đầu tiên là ngày 15/02/2022; trả phí theo quy định VIB từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. **Ngân hàng V2** giải ngân cho ông **H3** H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2022358.21 ngày 04/11/2021 với số tiền 17.700.000 đồng.

- Ngày 18/12/2020, ông **Đào Văn H4** có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản có sự thống nhất của vợ là bà **Hoàng Thị H5** do Ngân hàng V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng **Đào Văn H6** hạn mức tín dụng là 51.000.000 đồng, loại thẻ GOLD, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của VIB theo từng thời kỳ.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 26/8/2020 **Đào Văn H4**, bà **Hoàng Thị H7** ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1422698.20 với nội dung: Ông **H3** H1 thế chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, biển số 30G-506.66 cho Ngân hàng. Hiện tại, Ngân hàng V không biết tài sản thế chấp này đang ở đâu và không biết vợ chồng ông **H3** H1 còn sử dụng hay không nên **Ngân hàng V3** không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Tính ngày 29/3/2024, ông **H8** bà H1 đã thanh toán cho **Ngân hàng V4** được số tiền 132.045.775 đồng, trong đó: thanh toán cho Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020 với số tiền gốc 75.520.000 đồng, lãi 56.525.775 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **H8** bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi, khoản vay bị quá hạn từ ngày 25/01/2022. Mặc dù, **Ngân hàng V5** đôn đốc ông **H3** H1 thanh toán dứt nợ nhưng ông **H3** H1 vẫn không thực hiện, cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, **Ngân hàng V6** kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H10** toán Ngân hàng

Thương mại Cổ phần Q(V số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020, Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 ngày 04/11/2021 và Thẻ tín dụng ngày 18/12/2020 chưa thanh toán với tổng số tiền 731.975.203 đồng, trong đó:

- Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số: 1422698.20 ngày 26/8/2020 gồm nợ gốc 377.480.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.177.946 đồng, nợ lãi quá hạn 185.425.415 đồng.

- Khoản nợ Hợp đồng tín dụng số: 2670322.21 ngày 04/11/2021 gồm nợ gốc 17.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 465.243 đồng và nợ lãi quá hạn 7.594.464 đồng.

- Thẻ tín dụng ngày 18/12/2020 là 141.132.134 đồng, trong đó nợ gốc 59.047.075 đồng, nợ lãi 29.604.565 đồng, nợ phí 52.480.494 đồng.

- Ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H11** tục phải chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V).

- Bị đơn ông **Đào Văn H4** và bà **Hoàng Thị H12** đã được tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/02/2024, tham gia phiên tòa vào các ngày 13/3/2024 và 29/3/2024 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H13** được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13/3/2024 và 29/3/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 26/8/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V – V với ông **Đào Văn H14** Hoàng Thị H1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 với nội dung: **Ngân hàng V1** ông **H14** H1 vay số tiền 453.000.000 đồng. Ngày 04/11/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V – V với ông **Đào Văn Hbà Hoàng Thị H2** kết Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 với nội dung: **Ngân hàng V1** ông **H14** H1 vay số tiền 17.700.000 đồng và ngày 18/12/2020, Ngân hàng V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng **Đào Văn H6** hạn mức tín dụng là 51.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 26/8/2020 **Đào Văn H4**, bà **Hoàng Thị H12** có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1422698.20 với nội dung: Ông **H14** H1 thế chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu

HYUNDAI, số loại ACCENT, biển số 30G-506.66 cho Ngân hàng. Tính ngày 29/3/2024, ông **H9** bà **H1** đã thanh toán cho **V** số tiền 132.045.775 đồng, trong đó: thanh toán cho hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020 với số tiền gốc 75.520.000 đồng, lãi 56.525.775 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **H9** bà **H1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi, khoản vay bị quá hạn từ ngày 25/01/2022.

[3] Xét, việc ký kết các Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020; Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 ngày 04/11/2021; đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 18/12/2020 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1422698.20 ngày 26/8/2020 thể hiện sự tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Hbà H15** đã thanh toán gốc và lãi cho **Ngân hàng V4** (tính đến ngày 25/01/2022) với số tiền 132.045.775 đồng, kể từ ngày 26/01/2022 cho đến nay ông **H14** **H1** không tiếp tục thanh toán gốc và lãi cho **Ngân hàng V4** theo như thỏa thuận. Như vậy, ông **Hbà H15** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nên **Ngân hàng V6** kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **H**, bà **H1** thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/3/2024 tổng cộng 590.843.068 đồng trong đó: Hợp đồng tín dụng số: 1422698.20 ngày 26/8/2020 là 565.083.361 đồng, gồm nợ gốc 377.480.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.177.946 đồng, nợ lãi quá hạn 185.425.415 đồng; Hợp đồng tín dụng số: 2670322.21 ngày 04/11/2021 là 25.759.709 đồng, gồm nợ gốc 17.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 465.243 đồng và nợ lãi quá hạn 7.594.464 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông **Đào Văn Hbà Hoàng Thị H16** liên đới thanh toán cho Ngân hàng **V** số tiền theo Thẻ tín dụng ngày 18/12/2020 là 141.132.134 đồng, trong đó nợ gốc 59.047.075 đồng, nợ lãi 29.604.565 đồng, nợ phí 52.480.494 đồng. Xét thấy Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng là cho cá nhân ông **H17** sử dụng thẻ tín dụng không phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời Ngân hàng cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc ông sử dụng thẻ tín dụng để nhằm mục đích chung của gia đình. Vì vậy căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Ngân hàng yêu cầu ông **H14** **H1** liên đới trả số tiền trên là không có cơ sở, đây là nghĩa vụ riêng của cá nhân ông **Đào Văn H4**

[4] Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 26/8/2020 ông **Đào Văn H4**, bà **Hoàng Thị H7** ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần **Q(V** hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1422698.20 với nội dung: Ông **H14** **H1** thế chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, biển số 30G-506.66 cho Ngân hàng. **Ngân hàng V7** yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **Dĩ An** phù hợp với phân tích trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H16** phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với bị đơn ông **Đào Văn H14** Hoàng Thị H1 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H10** toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020, Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 ngày 04/11/2021 với tổng số tiền 590.843.068 đồng đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số: 1422698.20 ngày 26/8/2020 là 565.083.361 đồng, gồm nợ gốc 377.480.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.177.946 đồng, nợ lãi quá hạn 185.425.415 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 2670322.21 ngày 04/11/2021 là 25.759.709 đồng, gồm nợ gốc 17.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 465.243 đồng và nợ lãi quá hạn 7.594.464 đồng.

2. Buộc ông buộc **Đào Văn H18** toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V số tiền còn nợ theo Thẻ tín dụng ngày 18/12/2020 tổng cộng số tiền 141.132.134 đồng, trong đó nợ gốc 59.047.075 đồng, nợ lãi 29.604.565 đồng, nợ phí 52.480.494 đồng.

- Ông **Đào Văn H9** bà **Hoàng Thị H11** tục phải chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, T tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông **Đào Văn H9** và **Hoàng Thị H19** phải chịu số tiền 27.633.723 đồng.

3.2 Ông **Đào Văn H20** chịu số tiền 7.056.607 đồng.

3.3. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.920.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0047354 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Dĩ An;
- CCTHA dân sự TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

Võ Ngọc Công

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Văn Nhung

Nguyễn Văn Hoàn

Võ Ngọc Công

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ DĨ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc C

Các Hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn H21**.

2. Ông Tô Văn N.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 617/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V; Trụ sở: Tầng 1,2 Tòa nhà S, số A, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn H năm 1985 và bà Hoàng Thị H1 năm 1993; thường trú: Tập thể cầu T, xã H, huyện Đ, Thành phố H ở hiện tại: Số I đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với bị đơn ông Đào Văn H14 Hoàng Thị H1 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Buộc ông Đào Văn H9 bà Hoàng Thị H10 toàn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 1422698.20 ngày 26/8/2020, Hợp đồng tín dụng số 2670322.21 ngày 04/11/2021 với tổng số tiền 590.843.068 đồng đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số: 1422698.20 ngày 26/8/2020 là 565.083.361 đồng, gồm nợ gốc 377.480.000 đồng, nợ lãi trong hạn hạn 2.177.946 đồng, nợ lãi quá hạn 185.425.415 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 2670322.21 ngày 04/11/2021 là 25.759.709 đồng, gồm nợ gốc 17.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 465.243 đồng và nợ lãi quá hạn 7.594.464 đồng.

2. Buộc ông buộc Đào Văn H18 toàn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V số tiền còn nợ theo Thẻ tín dụng ngày 18/12/2020 tổng cộng số tiền 141.132.134 đồng, trong đó nợ gốc 59.047.075 đồng, nợ lãi 29.604.565 đồng, nợ phí 52.480.494 đồng.

- Ông Đào Văn H9 bà Hoàng Thị H11 tục phải chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, T tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Đào Văn H và Hoàng Thị H19 phải chịu số tiền 27.633.723 đồng.

3.2 Ông Đào Văn H20 chịu số tiền 7.056.607 đồng.

3.3. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.920.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0047354 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Văn Nhung Nguyễn Văn H22

Võ Ngọc C